

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 11/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 11/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị T.** Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Quách Thị Q.** Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2022, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 27/10/2022, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 16/12/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày :

Vào ngày 22/01/2019 bà Quách Thị Q có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 18/02/2020 bà Q lại tiếp tục vay của bà Huỳnh Thị T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) với mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 18/9/2020 bà Q trả được cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của khoản vay ngày 22/01/2019. Như vậy, bà Q còn nợ của bà Huỳnh Thị T tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), đồng thời bà Q đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số CI 483310 do bà Q đứng tên cho bà T giữ để làm tin. Trong khoảng thời gian trên bà Q có đóng tiền lãi cho bà Huỳnh Thị T nhưng bà Huỳnh Thị T không nhớ cụ thể số tiền lãi bà Q đã đóng, cũng như không nhớ thời gian bà Q trả lãi.

Đến tháng 12/2020 bà Q nói không có tiền đóng lãi nên bà Huỳnh Thị T và bà Q đã thỏa thuận tiền lãi mà bà Q còn thiếu những tháng trước đó cộng dồn là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và việc thỏa thuận này được bà Huỳnh Thị T và bà Q trao đổi thông qua tin nhắn Zalo trên điện thoại.

Bắt đầu từ ngày 18/01/2021 thì bà Huỳnh Thị T không tính lãi và cũng chưa thu hồi lại vốn với lý do dịch covid 19.

Đến tháng 12/2021 khi dịch covid 19 ổn định, bà Huỳnh Thị T muốn thu hồi vốn nhưng bà Q hứa trả cho bà Huỳnh Thị T nhiều lần mà không thực hiện.

Do đó, bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu bà Quách Thị Q trả lại cho bà tổng số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), trong đó số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và lãi suất cộng dồn theo thỏa thuận số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Đến ngày 27/10/2022 bà Huỳnh Thị T có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Quách Thị Q trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Trong đó: Tiền vốn của khoản vay ngày 22/01/2019 là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền vốn của khoản vay ngày 18/02/2020 là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); không yêu cầu bà Quách Thị Q trả tiền lãi.

Ngoài khoản nợ 200.000.000 đồng nêu trên thì hiện nay bà Quách Thị Q không còn nợ bà Huỳnh Thị T khoản nợ nào khác.

Tại phiên hòa giải ngày 16/12/2022, bà Huỳnh Thị T trình bày: Trước đây bà Huỳnh Thị T có cho bà Q vay tiền nhiều lần, đến ngày 22/01/2019 hai bên mới

chốt nợ lại và lập hợp đồng vay tiền ngày 22/01/2019 có nội dung bà Quách Thị Q có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 18/02/2020 bà Q lại tiếp tục vay của bà số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 18/9/2020 bà Q trả được cho bà số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của khoản vay ngày 22/01/2019. Như vậy, bà Q còn nợ của bà tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tại phiên hòa giải hôm nay, bà Q cũng đã thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hai hợp đồng mà bà cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết của bà Q.

Nhưng do hôm nay bà Q chỉ thừa nhận là còn nợ bà Huỳnh Thị T số tiền vốn là 170.000.000 đồng thì thôi vì tình nghĩa, số tiền 30.000.000 đồng mà bà Q không thừa nhận thì cũng không có bao nhiêu. Do đó, để các bên thương lượng với nhau nhằm để giải quyết sớm vụ việc thì bà xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là bà chỉ yêu cầu bà Q trả cho bà số tiền vốn là 170.000.000 đồng như bà Q đã thừa nhận, số tiền 30.000.000 đồng còn lại bà không yêu cầu nữa, bà cũng không yêu cầu bà Q trả lãi.

Theo biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 16/12/2022, bị đơn bà Quách Thị Q trình bày:

Nội dung đơn khởi kiện bà T trình bày là không đúng. Bà Quách Thị Q thừa nhận có vay của bà T nhiều lần, cụ thể:

Lần đầu: Khoảng tháng 7/2018 bà có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền là 150.000.000 đồng nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng chỉ nhớ khoảng tháng 7/2018. Khi vay số tiền này thì bà T có làm hợp đồng vay tiền và đưa cho bà ký tên, nội dung hợp đồng có nội dung là cho vay là số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà có ký tên vào hợp đồng vay nhưng lúc đó hợp đồng vay không có ghi ngày tháng năm, khi vay số tiền này thì bà có thể chấp bằng khoán đất cho bà T nhưng không nhớ rõ thế chấp bằng khoán đất nào. Hợp đồng này do bà T giữ, bà không có giữ bản hợp đồng nào hết. Nhưng khoản vay này bà đã trả đủ số tiền vốn và lãi cho bà T nhưng không nhớ ngày tháng năm trả, cũng không nhớ cụ thể số tiền lãi đã trả. Khi trả cũng không có làm giấy tờ, khi trả thì bà đưa tiền cho bà T và lấy lại bằng khoán đất, chứ không có làm giấy tờ.

Lần hai: Khoảng tháng 10/2018 bà có vay thêm của bà T số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 5%/tháng. Lúc vay

thì bà T có đưa cho bà ký 01 hợp đồng, khi ký thì bà có ghi ngày tháng năm vay vào hợp đồng. Nhưng bà không có giữ hợp đồng nào hết, do bà T giữ. Lúc vay thì bà có thể chấp bằng khoán đất cho bà T nhưng không nhớ bằng khoán cấp ngày tháng năm nào. Khoản vay này bà chưa trả vốn và lãi cho bà T.

Lần 3: Bà có vay thêm của bà T số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng không có làm giấy tờ, số tiền này bà T chuyển khoản cho bà qua Ngân hàng A-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 200.000 đồng/ngày. Bà đóng lãi đến tháng 6/2021 thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Nhưng không nhớ ngày tháng năm đóng lãi, không nhớ số tiền lãi đã đóng. Hiện nay bà vẫn chưa trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng này.

Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hai hợp đồng ngày 22/01/2019 và ngày 18/02/2020 đúng là chữ ký, chữ viết của bà, nhưng ngày tháng năm trong hợp đồng là không đúng vì lần đầu bà vay 150.000.000 đồng là khoảng tháng 7/2018 chứ không phải ngày 22/01/2019 và lần 2 bà vay số tiền 150.000.000 đồng là khoảng tháng 10/2018 chứ không phải ngày 18/02/2020.

Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ của bà Huỳnh Thị T số tiền vốn là 170.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nhưng hiện nay bà không có khả năng trả số tiền này cho bà T. Chừng nào bà bán được nhà, có tiền thì bà mới trả tiền vốn và lãi cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Quách Thị Q phải trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay còn nợ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn Quách Thị Q cư trú tại Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Đối với bị đơn bà Quách Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T yêu cầu bà Quách Thị Q trả cho bà tổng số tiền vốn vay còn nợ là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì thấy rằng: Bà Huỳnh Thị T cho rằng trước đây bà Huỳnh Thị T có cho bà Q vay tiền nhiều lần, đến ngày 22/01/2019 hai bên mới chốt nợ lại và lập hợp đồng vay tiền ngày 22/01/2019 có nội dung bà Quách Thị Q có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 18/02/2020 bà Q lại tiếp tục vay của bà T số tiền là 150.000.000 đồng. Đến ngày 18/9/2020 bà Q trả được cho bà T số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của khoản vay ngày 22/01/2019. Như vậy, bà Q còn nợ của bà T tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà Huỳnh Thị T có cung cấp cho Tòa án 02 hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 22/01/2019 và ngày 18/02/2020. Phía bị đơn bà Quách Thị Q cũng thừa nhận là bà có vay tiền của bà Huỳnh Thị T nhiều lần, lần 1 là khoảng tháng 7/2018 vay số tiền là 150.000.000 đồng; lần 2 là khoảng tháng 10/2018 vay số tiền là 150.000.000 đồng; lần 3 vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng không nhớ ngày tháng năm vay. Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Quách Thị Q trong hai hợp đồng ngày 22/01/2019 và ngày 18/02/2020 đúng là chữ ký, chữ viết của bà Quách Thị Q, nhưng ngày tháng năm trong hợp đồng là không đúng vì lần đầu bà vay số tiền 150.000.000 đồng là khoảng tháng 7/2018 chứ không phải ngày 22/01/2019 và lần 2 bà vay số tiền 150.000.000 đồng là khoảng tháng 10/2018 chứ không phải ngày 18/02/2020. Đối với khoản vay lần đầu là 150.000.000 đồng thì bà đã trả xong vốn và lãi cho bà Huỳnh Thị T nhưng không nhớ ngày tháng năm trả, cũng không nhớ cụ thể số tiền lãi đã trả. Hiện nay bà chỉ còn nợ của bà Huỳnh Thị T số tiền vốn là 170.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định

của pháp luật. Tuy nhiên, bà Quách Thị Q không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, Tòa án cũng đã thông báo đề bà Q cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ nhưng đến nay bà Q không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh như sau:

“...2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”

Do bà Quách Thị Q không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là bà Quách Thị Q có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay là 320.000.000 đồng theo 03 lần vay và thời gian vay như bà Q đã trình bày ở phần trên; cũng như không cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bà Quách Thị Q đã trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn là 150.000.000 đồng của lần vay đầu (theo bà Q trình bày là vay khoảng tháng 7/2018). Mặt khác, dù bà Quách Thị Q cho rằng thời gian vay được ghi trong hai hợp đồng mà bà T cung cấp là không đúng, tuy nhiên số tiền của hai lần vay theo bà Q thừa nhận là 300.000.000 đồng (lần 1 vay số tiền 150.000.000 đồng; lần 2 vay số tiền 150.000.000 đồng), số tiền vay này cũng trùng khớp với số tiền vay được ghi trong hai hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 22/01/2019 và ngày 18/02/2020 mà bà T đã cung cấp cho Tòa án. Do đó, việc bà Huỳnh Thị T cho rằng cho bà Q vay số tiền vốn là 300.000.000 đồng, bà Q đã trả được 100.000.000 đồng, hiện nay bà Quách Thị Q còn nợ của bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, do bà Huỳnh Thị T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà Quách Thị Q trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu bà Q trả lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay còn nợ là 170.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về tiền lãi vay: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, buộc bị đơn bà Quách Thị Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Quách Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $(170.000.000 \text{ đồng} \times 05\%) = 8.500.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

1.1. Bị đơn bà Quách Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Quách Thị Q phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005671 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Báo cáo đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam

